

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-11-2018

V/v tranh chấp về ly hôn, tranh
chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU' - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

2. Bà Vũ Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Thanh L**, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Tổ x, thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Anh **Trần Quang C**, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị S, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình

(Chị L có mặt; anh C, chị S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2018, bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Thanh L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Quang C tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa ngày 13/10/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C bị tai biến mạch máu não nên bị liệt dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong vấn đề kinh tế nên đầu năm 2016 anh C đã đưa con về quê nội ở thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, chấm dứt quan hệ tình cảm, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Đến tháng 8/2018, vì nghĩ đến con cái chị đã về nhà anh C mua sắm dụng cụ sinh hoạt trong gia đình, mục đích để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh C không ở chung nhà với chị và con mà lại ở nhà của mẹ đẻ. Gia đình anh C còn đuổi chị ra khỏi nhà. Nay, chị xác định tình cảm của chị và anh C không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa nên chị xin được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị L và anh C có 01 con chung là Trần Thị Minh P, sinh ngày 24/8/2004 hiện nay đang ở với anh C và gia đình nhà nội. Anh C ở khác nhà nhưng chung khuôn viên, chung sân với mẹ đẻ. Hằng ngày, bà nội, anh em trai và chị em dâu của anh C thường xuyên qua lại, hỗ trợ anh C trong việc chăm sóc, cơm nước, bảo ban cháu P học hành. Kể từ khi hai bố con về quê, chị vẫn đều đặn gửi cho anh C 1.000.000đ/01 tháng để hỗ trợ anh C nuôi con ăn học. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung, nhưng nếu anh C, gia đình anh C có thể nuôi dạy cháu tốt, cháu cũng có nguyện vọng muốn ở với bố thì chị cũng đồng ý giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đồng/01 tháng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị L và anh C không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên chị L không đề nghị Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

*/ Tại biên bản ghi lời khai của bị đơn ngày 08/10/2018, anh Trần Quang C trình bày như sau:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như chị L trình bày là đúng, anh không có ý kiến bổ sung gì. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do năm 2014 anh bị tai biến, sức khỏe bị ảnh hưởng trầm trọng, mắt kém gần như không nhìn thấy, chân tay bất động phải nhờ anh chị em ngoài Bắc vào chăm sóc, vì vậy anh cũng không đi làm được. Khi anh bị bệnh, thời gian đầu chị L

có chăm sóc, nhưng sau đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, chị L có quan hệ tình cảm với người khác công khai. Cuối năm 2016, gia đình đã vào Nha Trang đưa anh và con gái về quê tại thôn Q, xã V, huyện V ở cùng mẹ đẻ anh, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Bản thân anh hiện nay vẫn được mẹ đẻ và anh chị em chăm sóc. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh, anh thấy bản thân mình bệnh tật, chị L cũng thiệt thòi nhiều nên anh chấp nhận việc chị L có quan hệ tình cảm với người khác nhưng tình cảm của anh dành cho vợ vẫn còn nên anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái. Do vậy, anh không đồng ý ly hôn với chị L. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung hiện đang ở với anh đúng như chị L đã trình bày. Nếu phải ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi con, đồng ý với việc chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/01 tháng kể từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết

*/ Tại Biên bản ghi lời khai của người làm chứng là chị Trần Thị S thể hiện: Chị là chị dâu của anh C và chị L. Thời gian, điều kiện kết hôn đúng như vợ chồng chị L, anh C trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Đến năm 2014, do anh C bị tai biến, sức khỏe đi xuống nên vợ chồng bắt đầu có mâu thuẫn. Đến cuối năm 2016, do không thể chịu đựng được cuộc sống trong Nha Trang nên các anh chị em ngoài Bắc vào đón hai bố con về quê ở. Chị L từ lúc đó đến giờ cũng không quan tâm, chăm sóc gì đến chồng con. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh C, gia đình luôn mong muốn vợ chồng anh chị đoàn tụ để nuôi dạy con cái nhưng nếu chị L cố tình xin ly hôn anh C, gia đình tôn trọng quyết định của vợ chồng anh chị. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị Minh P, hiện đang ở với anh C. Ly hôn, gia đình đều mong muốn cháu ở với ở với bố. Gia đình sẽ có trách nhiệm hỗ trợ anh C trong việc chăm sóc, giáo dục cháu. Nếu cháu muốn ở với mẹ thì gia đình cũng tôn trọng nguyện vọng của cháu.

*/ Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Trần Thị Minh P, sinh ngày 24/8/2004 là con chung của anh C, chị L thể hiện: Nếu bố mẹ ly hôn, cháu P có nguyện vọng ở với bố là Trần Quang C.

*/Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án, không đến Tòa án làm việc nhưng đã có lời khai thể hiện quan điểm của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị xử cho chị Phan Thị Thanh L được ly hôn anh Trần Quang C. Đề nghị giao con Trần Thị Minh P cho anh Trần Quang C trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận

việc chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với anh C số tiền 1.000.000 đồng/01 tháng kể từ tháng 12/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Phan Thị Thanh L có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Trần Quang C và đề nghị giải quyết việc nuôi con khi ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; Anh C cư trú huyện V, tỉnh Thái Bình, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh C là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh C và con gái đã về quê nội ở thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình sống từ cuối năm 2016 đến nay, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Gia đình hai bên đã động viên, khuyên bảo và hòa giải nhưng không có kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh C là có thật, đã trầm trọng kéo dài, vợ chồng nếu có đoàn tụ cũng không thể có hạnh phúc nên cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị L được ly hôn với anh C.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Phan Thị Thanh L và anh Trần Quang C có 01 con chung là Trần Thị Minh P, sinh ngày 24/8/2004 hiện nay đang ở với anh C và gia đình nhà anh C. Hàng tháng, chị L đều gửi tiền cấp dưỡng nuôi con về để hỗ trợ anh C nuôi con, anh C có sự hỗ trợ của mẹ và anh em bên nội trong việc chăm sóc, giáo dục con chung; cháu P cũng có nguyện vọng được ở với bố nên giao con chung cho anh C nuôi là phù hợp. Chấp nhận việc chị L, anh C thống nhất việc chị L cấp dưỡng nuôi con đối với anh C số tiền 1.000.000 đồng/01 tháng kể từ tháng 12/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phan Thị Thanh L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Thanh L được ly hôn với anh Trần Quang C.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Trần Thị Minh P, sinh ngày 24/8/2004 cho anh Trần Quang C trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con P cho anh C số tiền 1.000.000 đồng/01 tháng kể từ tháng 12/2018 đến khi con P đủ 18 tuổi.

Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Phan Thị Thanh L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003103 ngày 20/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L còn phải nộp tiếp 150.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán, theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Chị Phan Thị Thanh L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 12/11/2018; anh Trần Quang C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phương, thành phố
Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương